

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05/07/2019

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Hà.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh- Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ TP. B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Bà Trần Thị Bích Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1135/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 05 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐXX-ST ngày 17/06/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị O, sinh năm: 1981.

Địa chỉ thường trú: thôn 9, xã Đ, huyện H, tỉnh Qu

- Bị đơn: Ông Huỳnh Thiện Mỹ, sinh năm: 1979.

Địa chỉ tạm trú: 48/1/11, tổ 7, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà O , ông M có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Đinh Thị O trình bày: bà và ông Huỳnh Thiện M xây dựng gia đình với nhau vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh B. Vợ chồng sống đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, không hợp tính tình nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay. Xét tình cảm không còn nên bà xin ly hôn với ông M

Về con chung: có 01 cháu tên là Huỳnh Gia Ph, sinh ngày 06/01/2004. Nếu Tòa giải quyết ly hôn bà xin nuôi con, tạm thời không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- **Tại bản tự khai, bị đơn ông Huỳnh Thiện M trình bày:** ông và bà Đinh Thị O xây dựng gia đình với nhau vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh B. Vợ chồng sống đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, không hợp tính tình nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay. Xét tình cảm không còn nên bà O xin ly hôn ông cũng đồng ý.

Về con chung: có 01 cháu tên là Huỳnh Gia Ph, sinh ngày 06/01/2004. Nếu Tòa giải quyết ly hôn ông cũng đồng ý giao con cho bà O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị O.

+ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Gia Ph, sinh ngày 06/01/2004 cho bà Đinh Thị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: bà O phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đinh Thị O và ông Huỳnh Thiện M có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà O, ông M là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị O và ông Huỳnh Thiện M xây dựng gia đình với nhau vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh B. Căn cứ các điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của bà O, ông M là hợp pháp. Nay bà O xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà O: bà O xin ly hôn với ông M với lý do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay. Về phía ông M cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và không trái pháp luật nên ghi nhận

[4] Về con chung: có 01 cháu tên là Huỳnh Gia Ph, sinh ngày 06/01/2004. Ly hôn bà O, ông M thống nhất giao con cho bà O nuôi, tạm thời ông M không phải cấp

dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự thỏa thuận của đương sự và không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà O, ông M không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 203, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị O. Bà Đinh Thị O được ly hôn với ông Huỳnh Thiện M.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Huỳnh Gia Ph, sinh ngày 06/01/2004. Giao cháu Ph cho bà O trực tiếp chăm sóc giáo dục, tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông M được quyền đi lại thăm con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008145 ngày 23/05/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà O đã đóng đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Đồng Nai

-VKSND TP. B

-THA Dân sự TP. B

-Đương sự

-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mộng Hà